

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HTH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HTH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTH TECHNOLOGY SERVICES AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HTH TECHNOLOGY JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110850553

3. Ngày thành lập: 01/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2/29, Ngõ 6, đường Đa Lộc, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0856051185

Fax:

Email: HTH.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
5.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin.	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Phá dỡ (Loại trừ “Không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn”)	4311
10.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ “Không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn”)	4312
11.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa. (Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên và môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản)	4610
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741(Chính)
18.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
19.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
20.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
21.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
22.	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: - Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông có dây - Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông có dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác	6110
23.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: - Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây - Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác	6120
24.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
25.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet - Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu	6190
26.	Lập trình máy vi tính	6201
27.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
30.	Cổng thông tin (Loại trừ “Không gồm hoạt động của cơ quan, tổ chức thông tấn, báo chí”)	6312
31.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
33.	Quảng cáo	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490

37.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
38.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
39.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ bao gồm: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
41.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
42.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
43.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
44.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯƠNG THANH HỒNG	TDP 12, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.600.000	3.600.000.000	40,000	008187003947	
			Tổng số	3.600.000	3.600.000.000	40,000		
2	LÊ CÔNG HIẾN	Thôn Mạch Lũng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	001089026797	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000		
3	TRẦN ANH TUẤN	TDP 12, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	036085011714	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

